

I. Thông tin chung

Học phần: Quản trị ngân hàng	Số tín chỉ: 3
Mã học phần: 71FINC40203	Mã nhóm lớp học phần: 241_71FINC40203_01,02,03,04,05
Thời gian làm bài: 60 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có ☒ Không ☐
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 ☐ Lần 2 ☒

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Áp dụng các kiến thức về tài chính, ngân hàng để xây dựng chiến lược hoạt động của ngân hàng thương mại.	Trắc nghiệm + Tự luận	40%	1-20	7	R
CLO2	Đánh giá các yếu tố liên quan đến việc ra quyết định điều hành của nhà quản trị.			2	3	R
CLO3	Xác định các giải pháp quản trị hiệu quả hoạt động kinh doanh ngân hàng.					R
CLO4	Vận dụng tư duy phản biện phân tích, đánh giá và đưa ra kết luận hợp lý về các vấn đề thực tiễn trong quản trị trong NHTM.					I

I. Thông tin chung

Học phần: Quản trị ngân hàng	Số tín chỉ: 3
Mã học phần: 71FINC40203	Mã nhóm lớp học phần: 241_71FINC40203_01,02,03,04,05
Thời gian làm bài: 60 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có ☒ Không ☐
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 ☐ Lần 2 ☒

II. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm, 0,35 điểm/câu)

Câu 1: Nguyên tắc nào trong quản trị ngân hàng nhằm đảm bảo hoạt động của ngân hàng được hiệu quả và bền vững?

- A. Đa dạng hóa danh mục đầu tư
- B. Đảm bảo lợi nhuận cao nhất
- C. Tập trung vào một ngành duy nhất
- D. Đầu tư tất cả nguồn vốn vào các khoản vay ngắn hạn

ANSWER: A

Câu 2: Đặc điểm của tiền gửi tiết kiệm là gì?

- A. Lãi suất cao hơn tiền gửi thanh toán
- B. Có thể rút tiền bất cứ lúc nào mà không ảnh hưởng đến lãi suất
- C. Không được hưởng lãi suất
- D. Chỉ dành cho doanh nghiệp

ANSWER: A

Câu 3: Quản trị rủi ro tín dụng trong ngân hàng bao gồm biện pháp nào sau đây?

- A. Đa dạng hóa danh mục đầu tư
- B. Chỉ cho vay đối với khách hàng có quy mô khoản vay nhỏ
- C. Tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc
- D. Giảm số lượng nhân viên tín dụng

ANSWER: A

Câu 4: Quản trị vốn của ngân hàng thương mại có mục tiêu chính là gì?

- A. Duy trì một cơ cấu vốn hợp lý để đối phó với rủi ro và đảm bảo lợi nhuận hợp lý

- B. Đảm bảo khả năng sinh lời cao nhất cho các khoản đầu tư
- C. Tăng trưởng quy mô tài sản nhanh chóng
- D. Đảm bảo ngân hàng luôn có đủ vốn để mở rộng mạng lưới

ANSWER: A

Câu 5: Chức năng nào sau đây thuộc hoạt động kiểm tra trong quản trị ngân hàng?

- A. Đánh giá hiệu quả hoạt động của các bộ phận
- B. Xác định mục tiêu dài hạn của ngân hàng
- C. Tăng cường hợp tác với các tổ chức tài chính khác
- D. Đảm bảo ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật

ANSWER: A

Câu 6: Một trong ba trụ cột của Basel II là gì?

- A. Giám sát và xem xét của cơ quan quản lý
- B. Quản lý vốn
- C. Thanh khoản
- D. Kiểm soát rủi ro tín dụng

ANSWER: A

Câu 7: Basel II yêu cầu ngân hàng phải có vốn đủ để đáp ứng các loại rủi ro nào sau đây?

- A. Rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, và rủi ro hoạt động
- B. Rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, và rủi ro thanh khoản
- C. Rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng, và rủi ro tỷ giá
- D. Rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, và rủi ro hoạt động

ANSWER: A

Câu 8: Ngân hàng B có tổng dư nợ cho vay là 300 tỷ đồng, trong đó nợ quá hạn là 15 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ quá hạn của ngân hàng là bao nhiêu?

- A. 5%
- B. 4%
- C. 3%
- D. 6%

ANSWER: A

Câu 9: Ngân hàng J có tỷ lệ nợ xấu là 2% và tổng dư nợ là 300 tỷ đồng. Giá trị nợ xấu của ngân hàng là bao nhiêu?

- A. 6 tỷ đồng

- B. 4 tỷ đồng
- C. 5 tỷ đồng
- D. 7 tỷ đồng

ANSWER: A

Câu 10: Lãi suất thị trường giảm, thu nhập của ngân hàng sẽ biến động như thế nào khi ngân hàng duy trì Tài sản nợ nhạy cảm lãi suất lớn hơn tài sản có nhạy cảm lãi suất?

- A. Tăng
- B. Giảm
- C. Có thể tăng, có thể giảm
- D. Không biến động

ANSWER: A

Câu 11: Khái niệm “quản trị ngân hàng” là gì?

- A. Quá trình lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và kiểm soát các hoạt động của ngân hàng.
- B. Việc ngân hàng điều chỉnh lãi suất và các chính sách tín dụng.
- C. Hoạt động của Ngân hàng Trung ương trong việc kiểm soát hệ thống ngân hàng thương mại.
- D. Quá trình phát hành cổ phiếu và trái phiếu của ngân hàng.

ANSWER: A

Câu 12: Việc theo dõi đối tượng quản trị đang hoạt động và kết quả công việc của nhân viên thuộc chức năng nào sau đây của công việc quản trị ngân hàng?

- A. Kiểm tra.
- B. Hoạch định.
- C. Tổ chức.
- D. Lãnh đạo.

ANSWER: A

Câu 13: Tài sản Nợ nhạy cảm với lãi suất bao gồm:

- A. Chứng chỉ tiền gửi 5 năm lãi suất thả nổi điều chỉnh 1 năm 1 lần
- B. Cho vay kinh doanh chứng khoán
- C. Cho vay kinh doanh bất động sản
- D. Cả 3 câu đều đúng

ANSWER: A

Câu 14: Việc nhà quản trị thực hiện các mục tiêu có tính chất ngắn hạn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thuộc loại hoạch định nào trong hoạch định chiến lược kinh doanh ngân hàng?

- A. Hoạch định tác nghiệp.
- B. Hoạch định chiến lược.
- C. Hoạch định rủi ro.
- D. Hoạch định kinh doanh

ANSWER: A

Câu 15: Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của ngân hàng phản ánh điều gì?

- A. Khả năng chịu rủi ro
- B. Khả năng sinh lời
- C. Khả năng chuyển đổi số
- D. Quy mô tài sản

ANSWER: A

Câu 16: Ngân hàng huy động vốn với lãi suất huy động được ấn định là 8,5%/năm, kỳ hạn nguồn vốn huy động là 1 năm. Ngân hàng dùng nguồn vốn này để đầu tư cho vay trung hạn, lãi suất cố định của khoản đầu tư là 9%/năm, thời hạn 2 năm. Điều gì sẽ xảy ra nếu lãi suất huy động giảm còn 8% vào năm thứ 2?

- A. Ngân hàng sẽ phải tái tài trợ tài sản Nợ nhưng không phải hứng chịu rủi ro và còn tăng lợi nhuận vì chi phí huy động vốn giảm.
- B. Ngân hàng sẽ chịu rủi ro tín dụng.
- C. Thu nhập của ngân hàng sẽ tăng tương ứng với 0,5% lãi suất tăng thêm vào năm thứ 2 do tiết giảm được chi phí huy động vốn.
- D. Tất cả đều đúng.

ANSWER: A

Câu 17: Basel I tập trung vào loại rủi ro nào trong hoạt động ngân hàng?

- A. Rủi ro tín dụng
- B. Rủi ro thị trường
- C. Rủi ro hoạt động
- D. Rủi ro thanh khoản

ANSWER: A

Câu 18: Sắp xếp các tài sản sau theo thứ tự thanh khoản giảm dần: a/ Tín dụng thương mại; b/ Chứng khoán khả mại; c/ Dự trữ sơ cấp; d/ Tài sản hữu hình.

- A. c,b,a,d
- B. a,c,b,d
- C. c,a,b,d

D. a,b,c,d
ANSWER: A

Câu 19: Cầu thanh khoản là gì?

- A. Là số tiền ngân hàng có nhu cầu chi trả ngay lập tức hoặc trong một thời gian ngắn
- B. Là lượng tiền gửi vào ngân hàng để ngân hàng sử dụng
- C. Là số tiền có sẵn hoặc có thể có trong thời gian ngắn để ngân hàng sử dụng
- D. Là lượng tiền ra khỏi ngân hàng

ANSWER: A

Câu 20: Vị thế thanh khoản ròng của một ngân hàng được xác định bởi:

- A. Chênh lệch giữa nguồn cung thanh khoản và nguồn cầu thanh khoản
- B. Nguồn cung thanh khoản
- C. Nguồn cầu thanh khoản
- D. Nguồn cung thanh khoản và nguồn cầu thanh khoản

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1: (1,0 điểm)

Một ngân hàng thương mại X có các số liệu tài chính sau:

- Vốn tự có: 10.000 tỷ đồng
- Tổng tài sản có rủi ro quy đổi: 100.000 tỷ đồng
- Hệ số CAR theo quy định hiện tại của Ngân hàng trung ương là: 8%

Yêu cầu: Hãy tính tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (Capital Adequacy Ratio - CAR) của ngân hàng X và giải thích ý nghĩa của tỷ lệ này.

Đáp án

$$CAR = (10.000/100.000) \times 100 = 10\% \text{ (0,5 điểm)}$$

Giải thích: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) của ngân hàng là 10%. Như vậy, ngân hàng này có tỷ lệ an toàn vốn cao hơn mức yêu cầu, cho thấy mức độ vốn của ngân hàng khá an toàn để bảo vệ trước rủi ro tài chính. **(0,5 điểm)**

Câu 2: (2,0 điểm)

Hãy phân tích và trình bày tác động của tỷ lệ nợ xấu (NPL) đến lợi nhuận, thanh khoản, thương hiệu, quản lý rủi ro và hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại.

Gợi ý trả lời: Mỗi ý 0,25 điểm

➤ Tác động đến lợi nhuận

- **Giảm thu nhập từ lãi:** Nợ xấu là các khoản vay không tạo ra thu nhập từ lãi. Khi tỷ lệ nợ xấu tăng, phần thu nhập mà ngân hàng dự kiến thu từ lãi vay sẽ giảm, làm giảm nguồn thu nhập chính.
- **Chi phí trích lập dự phòng rủi ro:** Khi tỷ lệ nợ xấu tăng, ngân hàng buộc phải tăng cường trích lập dự phòng cho các khoản vay này. Điều này làm tăng chi phí hoạt động và ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận trước thuế của ngân hàng. Ví dụ, một ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu cao phải dành một phần lớn lợi nhuận để bù đắp cho những rủi ro tín dụng tiềm ẩn, khiến tỷ suất lợi nhuận giảm.

➤ Tác động đến thanh khoản và vốn

- **Giảm khả năng thanh khoản:** Nợ xấu làm giảm dòng tiền vào ngân hàng, do các khoản vay không được thanh toán theo thời hạn. Điều này ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng các nhu cầu thanh khoản ngắn hạn, đặc biệt trong các tình huống khẩn cấp, khi ngân hàng cần tài sản để thanh khoản để đáp ứng nghĩa vụ tài chính.
- **Tăng chi phí huy động vốn:** Khi ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu cao, niềm tin của các nhà đầu tư và các tổ chức tín dụng bị suy giảm. Kết quả là, ngân hàng phải trả lãi suất cao hơn khi huy động vốn từ thị trường, làm tăng chi phí vốn. Đặc biệt, trong các hệ thống tài chính quốc tế, việc có tỷ lệ nợ xấu cao có thể khiến ngân hàng gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn từ các nguồn tài trợ quốc tế.

➤ Tác động đến uy tín và thương hiệu

- **Suy giảm uy tín và lòng tin của khách hàng:** Một ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu cao có thể bị coi là không có năng lực quản lý rủi ro hiệu quả, điều này làm giảm niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư và đối tác. Họ có thể lo ngại về khả năng của ngân hàng trong việc bảo vệ tài sản của mình, từ đó tìm kiếm các đối tác tài chính khác.
- **Tác động tiêu cực đến xếp hạng tín dụng:** Các tổ chức xếp hạng tín dụng có thể giảm mức xếp hạng tín dụng của ngân hàng khi tỷ lệ nợ xấu cao. Điều này ảnh hưởng đến khả năng huy động vốn và dẫn đến lãi suất cao hơn khi phát hành trái phiếu hoặc vay vốn trên thị trường.

➤ Tác động đến quản lý rủi ro và hiệu quả hoạt động

- **Gia tăng rủi ro tín dụng:** Nợ xấu làm tăng rủi ro tín dụng cho ngân hàng, vì các khoản vay có khả năng mất khả năng thanh toán sẽ làm giảm giá trị tài sản của ngân hàng. Nếu rủi ro tín dụng không được kiểm soát, ngân hàng có thể đối mặt với nguy cơ khủng hoảng thanh khoản hoặc phá sản.
- **Tăng áp lực trong quản lý rủi ro:** Ngân hàng phải tăng cường quản lý các khoản vay, áp dụng các biện pháp thu hồi nợ mạnh tay hơn hoặc bán nợ cho các tổ chức quản lý nợ xấu. Điều này

không chỉ làm tăng chi phí quản lý mà còn làm phân tán sự tập trung vào các hoạt động kinh doanh cốt lõi, ảnh hưởng đến hiệu quả tổng thể của ngân hàng.

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ



TS. Mai Thị Phương Thùy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2024.

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ



ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Châu